

Bản án số: 77/2021/HS-ST

Ngày: 24 -5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam, bà Tăng Nhật Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2021/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ka R**; tên gọi khác: Ka Tr; giới tính: Nữ; sinh năm: 1972; tại: Lâm Đồng; NĐKNKTT và cư trú: Số nhà M, đường P, phường B', thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Châu Mạ; Tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: Không; con ông: K' W; Con bà: Ka R'; chồng: Lưu Quang H, sinh năm 1979 (đã li hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, Tiền sự: : Không; bị tạm giam từ ngày 08/10/2020 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Trần Thị Thanh B, sinh năm 1964; trú tại: Số K, đường B, Phường M, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2018 Ka R đi đến công viên trước UBND thành phố B thì gặp và làm quen với bà Trần Thị Thanh B, trú tại: Số K đường B, Phường M, thành phố B. Tại đây Ka R đã ngồi nói chuyện với bà B và biết bà B là người mê tín dị đoan, tin vào việc cúng bái do vậy Ka R nói sẽ nhờ một người thầy cúng tên “Ngon” nhà ở xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng sẽ cúng giải hạn cho gia đình bà B, nghe vậy thì bà B tin tưởng nên đã xin số điện thoại của Ka R và đưa cho Ka R số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để mua đồ cúng. Nhận thấy bà B là người mê tín dị đoan, tin vào việc cúng bái giải hạn, trừ tà nên Ka R nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà B. Thực hiện ý định, Ka R sử dụng số điện thoại “03266898918” gọi

cho bà B giả là bà thầy cúng để nói chuyện tâm sự với bà B nhằm mục đích để bà B tin tưởng, rồi sau đó yêu cầu bà B đưa tiền cho mình để làm lễ cúng giải hạn. Để thuận lợi cho việc giao nhận tiền Ka R sử dụng số điện thoại 0346420060 để liên lạc, trao đổi với bà B về thời gian, địa điểm nhận tiền từ bà B, các địa điểm bà B giao tiền cho Ka R thường diễn ra ở tại Công viên trước Ủy ban nhân dân thành phố B, ở khu vực chợ mới B, trước cửa tịnh xá N, TP.B và gần nghĩa địa Công giáo phường B', thành phố B. Ngoài những lần Ka R trực tiếp nhận tiền từ bà B thì Ka R còn nhờ anh K' H, nơi cư trú: Số X đường P, phường B', thành phố B, Lâm Đồng và chị Ka Hu, nơi cư trú: Số T đường P, phường B', thành phố B đi gặp bà B để nhận tiền về đưa lại cho Ka R. Quá trình điều tra bà B khai đã bị Ka R chiếm đoạt số tiền khoảng hơn 01 tỷ đồng, tuy nhiên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định được trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 28/6/2020 Ka R đã lợi dụng vào sự mê tín dị đoan của bà B trong việc cúng bái, giải hạn sau đó dùng thủ đoạn gian dối yêu cầu bà B đưa tiền để mua đồ cúng giải hạn, Ka R đã chiếm đoạt tiền của bà B nhiều lần với số tiền là 310.100.000đ (Ba trăm mười triệu, một trăm nghìn đồng). Cụ thể như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2019 Ka R đi xuống tỉnh Bình Dương để làm thuê tại quán nhậu. Trong thời gian làm việc tại đây Ka R gọi điện yêu cầu bà B phải đưa tiền để làm lễ cúng, khi bà B đồng ý thì Ka R cung cấp tài khoản số 65010002325992 tại Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Dương mang tên Nguyễn Tiến D, địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình, để bà B chuyển tiền vào số tài khoản của D. Trong khoảng thời gian từ ngày 17/01/2019 đến ngày 04/9/2019 bà B đã chuyển tiền 08 lần với tổng số tiền là 168.000.000đ vào số tài khoản trên. Sau mỗi lần bà B chuyển tiền thì D ra cây ATM để rút rồi đưa lại đủ số tiền cho Ka R, D được Ka R trả công bằng một bữa nhậu hoặc số tiền là 300.000đ đến 500.000đ

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến trước ngày 28/6/2020 khi đưa tiền cho Ka R, thì bà B đều ghi vào một tờ giấy và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, quá trình điều tra xác định được trong khoảng thời gian này bà B đã đưa tiền cho Ka R 22 lần với tổng số tiền là 131.800.000đ.

Vào khoảng 07 giờ ngày 28/6/2020, Ka R gọi điện thoại cho bà B và nói là phải chạy số tiền 12.000.000đ để Ka R mua đồ cúng “hồn con rắn” để con rắn không đi theo ám hại gia đình bà B, Bà B nói chỉ “chạy” được 10.000.000đ, còn lại 2.000.000đ thì bà B nhờ Ka R xoay sở giúp, Ka R nhận lời đồng ý xoay sở giúp bà B 2.000.000đ nhằm mục đích để bà B đưa số tiền 10.000.000đ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Ka R đi lên khu vực chợ cũ B, khi đến trước quầy thuốc T trên đường L thì gặp bà B đi xe máy tới, bà B lấy số tiền 10.000.000đ ra đưa cho Ka R, khi Ka R vừa nhận số tiền 10.000.000đ thì bị lực lượng Công an mời về trụ sở làm việc. Tại đây Ka R đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan CSĐT đã thu giữ và trả lại cho bà Trần Thị Thanh B số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy M20; thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu mastel, màu đỏ của Ka R.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị Thanh B yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 300.100.000đ (Hai trăm chín mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không có thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng. Bị hại đề nghị Hội

đồng xét xử xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Bản Cáo trạng số 72/CT-VKSBL ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Ka R về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 28/6/2020 Ka R đã lợi dụng vào sự mê tín dị đoan của bà B trong việc cúng bái, giải hạn nên đã nói dối với bà B là sẽ nhờ người cúng giải hạn và cầu an cho bà B, sau đó yêu cầu bà B đưa tiền để mua đồ cúng giải hạn để chiếm đoạt tiền của bà B với tổng số tiền là 310.100.000đ. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Ka R từ 08 đến 09 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về Dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 300.100.000đ. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Lợi dụng vào sự mê tín dị đoan của bà B trong việc cúng bái, giải hạn, Ka R đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của bà B với tổng số tiền là 310.100.000đ. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, vật chứng thu giữ, có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo Ka R đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất mức độ, hậu quả hành của vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác thể hiện thái độ coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị

cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo phạm tội hai lần trở lên, mỗi lần trên hai triệu đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tích răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 310.100.000 đồng, nhưng lần cuối cùng bà B đưa 10.000.000 đồng cho bị cáo thì bị bắt giữ. Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà B số tiền 10.000.000 đồng. Bà B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.100.000 đồng, đây là yêu cầu chính đáng phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà B số tiền 300.100.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu mastel, màu đỏ của Ka R là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 Chứng minh nhân dân tên Ka R không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Đối với chị Ka Hu và anh K' H được Ka R nhờ đi nhận tiền từ Bà B, sau đó đưa về cho Ka R. Tuy nhiên khi nhận tiền thì Ka Hu và K' H không biết số tiền này là do Ka R phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT Công an thành phố B không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ka Hu và K' H là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông tên Nguyễn Tiến D và người phụ nữ tên “Ng”, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B tách ra để điều tra xác minh, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Ka R phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Ka R** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Ka R 10 (Mười) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2020.

2/ Về phần Dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Ka R có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị Thanh B số tiền 300.100.000đ (Ba trăm triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố

tụng hình sự: Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu mastel, màu đỏ;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B với Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

Trả lại cho bị cáo Ka R 01 Chứng minh nhân dân tên Ka R (kèm theo hồ sơ vụ án).

4/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Ka R phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 14.990.000đ (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo, đề nghị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú

